

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HS-PT

Ngày 06 – 3 – 2026

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 363/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V, Bùi Tuấn K, Dương Trường T, Lâm Thị Mỹ T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Phùng Hoàng Thị Tảo V, sinh năm 1981, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp). CCCD: 082181017759. Nơi cư trú: Số C, đường N, khu phố C, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (Nay là: Số C, đường N, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Duy H và bà Hoàng Thị T2 (đã chết); chồng: Võ Hồng T3; con: Võ Hoàng Đ; Anh chị em ruột: Có 03 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/8/2024, chuyển tạm giam từ ngày 29/8/2024; đến ngày 24/10/2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm, theo Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm số 861/QĐ-ĐTTH ngày 24/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là công an tỉnh Đ).

Bùi Tuấn K (Tên gọi khác: T4), sinh năm 1980, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp). CCCD: 082080001800. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp); Hiện nay đang cư trú: Ấp Ô, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố Ô,

phường S, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn H1 (đã chết) và bà Đinh Thị Bé N; vợ: Nguyễn Thị Kim H2, con: Bùi Đức T5, sinh năm 2002 và Bùi Minh P, sinh năm 2013; Anh chị em ruột: Có 04 người, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/8/2024 đến ngày 29/8/2024, bị cáo tại ngoại.

Lâm Thị Mỹ T1 (Tên gọi khác: M), sinh năm 1977, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp). CCCD: 082177012500. Nơi cư trú: Số H, Khu phố I, Phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (Nay là: Số H, Khu phố I, phường G, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Ý Q (đã chết) và bà Khuu Thị H3 (đã chết); chồng: Trần Văn H4; con: Trần Thị Yến N1, sinh năm 1996 và Trần Thị Yến V1, sinh năm 2008; Anh chị em ruột: Có 10 người; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 bị tạm giữ từ ngày 23/8/2024 đến ngày 29/8/2024, bị cáo tại ngoại.

Dương Trường T, sinh năm 1980 (nay là tỉnh Đồng Tháp), tại tỉnh Tiền Giang. CCCD: 082080002746. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B, đường N, Khu phố C, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là: Số B, đường N, Khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Tháp); Hiện nay đang cư trú: Tổ A, khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn S (đã chết) và bà Lê Thị T6 (đã chết); vợ: Lê Yến V2 (đã ly hôn), con: Dương Hoàng H5, sinh năm 2008, Dương Hà A, sinh năm 2012 và Dương Minh T7, sinh năm 2017; Anh chị em ruột: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất đã mất; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Trường T: Luật sư Phạm Duy M1 - Văn phòng Luật sư Phạm Duy M1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Các bị cáo và Luật sư M1 có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Dương Nguyệt H6, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: B N, khu phố C, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là B N, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Tháp).

2. Nguyễn Hiếu H7, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: B N, khu phố C, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là B N, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Tháp).

3. Hoàng Thị Thúy H8, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: F đường A, khu phố C, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là F đường A, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Tháp).

4. Lê Thị D, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: ấp S, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố S, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

5. Nguyễn Huỳnh P1, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: ấp Ô, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố Ô, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

6. Ngô Văn N2, sinh năm 1961;

Nơi cư trú: khu phố I, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố I, phường G, tỉnh Đồng Tháp).

7. Thái Thị Ngọc T8, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: khu phố I, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố I, phường G, tỉnh Đồng Tháp).

8. Thái Thị Ngọc H9, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: khu phố I, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố I, phường G, tỉnh Đồng Tháp).

9. Lê Thị Kim Y, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: số H khu phố I, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là số H khu phố I, phường G, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở quen biết nhau từ trước, các bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V, Bùi Tuấn K, Lâm Thị Mỹ T1, Dương Trường T thực hiện việc mua, bán số lô, số đề thắng thua bằng tiền hình thức như sau:

Người mua đề (khách mua) chọn một số bất kỳ gồm hai chữ số từ 00 đến 99, ba chữ số từ 000 đến 999; chọn hình thức mua, số tiền mua. Kết quả đánh bạc dựa trên kết quả xổ số kiến thiết các đài trong ngày, tỷ lệ thắng thua (trúng đề) được quy ước theo từng chủ đề. Bị cáo V với vai trò chủ đề đã quy ước phương thức đánh số đề trong hệ thống như sau:

- Đối với số đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết các đài miền Nam, miền Trung:

+ “Số đầu”: Chọn mua số gồm hai chữ số, kết quả dựa vào kết quả tại giải tám của kỳ xổ số kiến thiết trong đài đã mua; tỷ lệ mua 01, trả 01.

+ “Số đuôi”: Chọn mua số gồm hai chữ số, kết quả dựa vào kết quả hai số cuối tại giải đặc biệt của kỳ xổ số kiến thiết trong đài đã mua; tỷ lệ mua 01, trả 01.

+ “Xỉu chủ”: Chọn mua số gồm ba chữ số, kết quả dựa vào kết quả tại giải bảy và ba số cuối giải đặc biệt của kỳ xổ số kiến thiết trong đài đã mua; tỷ lệ mua 01, trả 02.

+ “Bao lô 02 số”: Chọn mua số gồm hai chữ số, kết quả dựa vào hai số cuối tại tất cả các giải của kỳ xổ số kiến thiết trong đài đã mua; tỷ lệ mua 01, trả 18; số đã mua xuất hiện bao nhiêu lần thì nhân số tiền trúng cho số lần.

+ “Bao lô 03 số”: Chọn mua số gồm ba chữ số, kết quả dựa vào kết quả ba số cuối tại tất cả các giải của kỳ xổ số kiến thiết trong đài đã mua; tỷ lệ mua 01, trả 17.

+ “Số đá 02 số, 01 đài” (thường gọi là đá thẳng): Chọn mua 02 số gồm hai chữ số, kết quả dựa vào kết quả hai số cuối tại tất cả các giải của kỳ xổ số kiến thiết trong đài đã mua, khi có cả hai số cùng xuất hiện là trúng; tỷ lệ mua 01, trả 36.

+ “Số đá 02 số, 02 đài” (thường gọi là đá chéo hai 02 đài, đá xiên hai 02 đài): Chọn mua 02 số gồm hai chữ số, kết quả dựa vào kết quả hai số cuối tại tất cả các giải của kỳ xổ số kiến thiết trong hai đài đã mua, khi có cả hai số cùng xuất hiện là trúng; tỷ lệ mua 01, trả 72.

+ “Số đá 02 số, 03 đài” (thường gọi là đá chéo hai 03 đài, đá xiên hai 03 đài): Chọn mua 02 số gồm hai chữ số, kết quả dựa vào kết quả hai số cuối tại tất cả các giải của kỳ xổ số kiến thiết trong ba đài đã mua, khi có cả hai số cùng xuất hiện là trúng; tỷ lệ mua 01, trả 216.

+ “Số đá 03 số, 02 đài” (thường gọi là đá chéo ba 02 đài, đá xiên hai 02 đài): Chọn mua 03 số gồm hai chữ số, kết quả dựa vào kết quả hai số cuối tại tất cả các giải của kỳ xổ số kiến thiết trong hai đài đã mua, khi có cả hai số cùng xuất hiện là trúng; tỷ lệ mua 01, trả 216.

+ Khi mua “số đầu”, “số đuôi”, “xiu chủ”, “bao lô”, nếu mua cho nhiều đài, số tiền mua cứ nhân lên cho số đài cần mua.

- Đối với số đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc:

Do cơ cấu giải thưởng của xổ số miền Bắc gồm có 27 giải, trong đó có 04 giải tám và 03 giải bảy, nên “số đầu” nhân cho 4, “xiu chủ” nhân cho 4, “số đuôi” vẫn tính là 01.

Tỷ lệ giao nhận giữa Phùng Hoàng Thị Tảo V và từng người giao đề, người mua đề khác nhau, dao động từ 68 - 80% trên tổng số tiền mua đề của con bạc; trong đó: Đối với Bùi Tuấn K là 68% đối với số đề xiu chủ, bao lô ba số, 75% đối với số đề hai con số; đối với Lâm Thị Mỹ T1, Dương T là tỷ lệ 75% cho tất cả các loại hình; với con bạc khác là 80%.

Tỷ lệ chi trả khi trúng đề mà V giao cho từng người giao đề, giữa người giao đề cũng có quy ước riêng, từ đó V và từng người giao đề cấp dưới đều hưởng thu lợi bất chính phần tiền chênh lệch từ số tiền khi mua (hay còn gọi là tiền xác), tiền hoa hồng do khách trúng cho.

Từ đầu tháng 8 năm 2024, bị cáo V cùng với các bị cáo K, T1, T và một số con bạc khác thực hiện hoạt động mua bán số đề dưới hình thức nhắn tin qua điện thoại di động (SMS). Sau khi nhận thông tin mua đề từ con bạc (gồm đài mua, số chọn mua, hình thức mua đề và số tiền mua), K, T1 và T nhập các thông tin này vào điện thoại gắn sim thuê bao số “0799147518”, “0399202903”, “0388683466” rồi nhắn tin vào số thuê bao “0963327717” và “0935586683” của V. Sau khi V nhận được tin nhắn từ mỗi một đài theo miền (M, các Công ty X, các Công ty X1) thì sẽ chốt nhận đề bằng tin nhắn trả lời với nội dung: “1” hoặc “1t” hoặc

“hnl”; nếu V không nhận tin nhắn nào sẽ nhắn trả lời với nội dung “Tra lai” kèm dãy số được trả.

Sau đó, V tiếp tục chuyển các tin nhắn đã nhận đề từ các con bạc đến người tên thường gọi là “Pin” qua số thuê bao “+84988096936”, đồng thời V gửi các tin nhắn có nội dung số đề đến group nhắn tin nhiều người có tên “ggggggda68”; tỷ lệ giao nhận là 75% trên số tiền mua đề đối với số đề hai con số, tỷ lệ 65% trên số tiền mua đề đối với số đề ba con số.

K, T1, T sau khi đã chuyển tin nhắn mua đề thì đợi đến giờ xổ số, căn cứ kết quả xổ số kiến thiết của các đài trong ngày để thực hiện việc dò số, tính tiền thắng, thua; đến sáng ngày hôm sau thì thanh toán tiền “xác” (là số tiền bỏ ra mua số đề và số tiền trúng đề).

Vào khoảng 17 giờ 20 phút ngày 22/8/2024, các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với nhau và với những người liên quan đến vụ án như sau:

1. Bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V.

** Tiền số đề V giao nhận với K:*

- M: 8.431.000 đồng (tiền mua/ tiền ghi) + 1.500.000 đồng (tiền trúng) = 9.931.000 (chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn) đồng.

- M, M: Chưa xác nhận.

** Tiền số đề V giao nhận với T1:*

Miền Nam: 3.954.000 đồng (tiền mua/ tiền ghi đề) + 3.000.000 đồng (tiền trúng đề) = 6.954.000 (sáu triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

** Tiền số đề V giao nhận với T:*

Miền Nam: 5.328.000 đồng (tiền mua/ tiền ghi đề) + 3.300.000 đồng (tiền trúng đề) = 8.628.000 (tám triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Ngoài ra V còn nhận đề vào ngày 22/8/2024 từ những người mua số đề sau:

- Nguyễn Hiếu H7 sử dụng số thuê bao “0909114202” để mua số đề từ V, số tiền đánh bạc là 180.000 (một trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Dương Nguyệt H6 sử dụng số thuê bao “+84763258815” để mua số đề từ V, số tiền đánh bạc là 1.113.000 (một triệu một trăm mười ba nghìn) đồng.

- Hoàng Thị Thúy H8 sử dụng số thuê bao “0976115280” để mua số đề từ V, số tiền đánh bạc là 1.637.000 (một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

- Tiền số đề V giao nhận với người tên “Bắp Cải”: 6.903.000 (sáu triệu chín trăm lẻ ba nghìn) đồng.

- Tiền số đề V giao nhận với người tên “E T9”: 2.480.000 (hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Tiền số đề V giao nhận với người tên “Quỳnh”: 22.520.000 (hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

- Tiền số đề V giao nhận với người tên “E Gấm (s)”: 1.580.000 (một triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Tiền số đề V giao nhận với người tên “Cô H6 (2)”: 540.000 (năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

2. Bị cáo Bùi Tuấn K

** Tiền số đề V giao nhận với K:*

- M: 8.431.000 đồng (tiền mua/ tiền ghi) + 1.500.000 đồng (tiền trúng) = 9.931.000 (chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn) đồng.

- M, M: Chưa xác nhận.

Trong số tiền đề của bị cáo Bùi Tuấn K giao cho bị cáo V thì bị cáo K đã nhận từ những người mua số đề sau:

- Lê Thị D sử dụng số thuê bao “0355979874” để mua số đề từ K, số tiền đánh bạc là 280.000 (hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Nguyễn Huỳnh P1 sử dụng số thuê bao “0898144798” để mua số đề từ K, số tiền đánh bạc là 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng.

3. Bị cáo Lâm Thị Mỹ T1:

** Tiền số đề V giao nhận với T1:*

Miền Nam: 3.954.000 đồng (tiền mua/ tiền ghi đề) + 3.000.000 đồng (tiền trúng đề) = 6.954.000 (sáu triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Trong số tiền đề Lâm Thị Mỹ T1 giao cho bị cáo V thì T1 đã nhận từ những người mua số đề sau:

- Ngô Văn N2 với số tiền đánh bạc là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Thái Thị Ngọc T8 với số tiền đánh bạc là 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng.

- Thái Thị Ngọc H9 với số tiền đánh bạc là 30.000 (ba mươi nghìn) đồng.

- Lê Thị Kim Y với số tiền đánh bạc là 405.000 (bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng.

4. Bị cáo Dương Trường T:

** Tiền số đề V giao nhận với T:*

Miền Nam: 5.328.000 đồng (tiền mua/ tiền ghi đề) + 3.300.000 đồng (tiền trúng đề) = 8.628.000 (tám triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Trong số tiền đề Dương Trường T giao cho bị cáo V thì T đã nhận từ những người mua số đề sau:

- Người tên thường gọi “Rạng” ở khu vực cầu S, xã T;

- Người tên thường gọi “Phương T10” ở khu vực khu phố G, phường L.
Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo ở các đài miền N vào ngày 22/8/2024 như sau:

- Phùng Hoàng Thị Tảo V: 9.931.000 đồng (K) + 6.954.000 đồng (T1) + 8.628.000 đồng (T) + 1.113.000 đồng (H6) + 180.000 đồng (H7) + 2.186.000 đồng (H8) + 6.903.000 đồng (“Bắp Cải”) + 2.480.000 đồng (“E Trúc”) + 22.520.000 đồng (“Quỳnh”) + 1.580.000 đồng (“E Gấm (s)”) + 540.000 đồng (“Cô H6 (2)”); tổng cộng: **63.015.000** (sáu mươi ba triệu không trăm mười lăm nghìn) đồng.

- Bùi Tuấn K: **9.931.000** (chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn) đồng.
- Lâm Thị Mỹ T1: **6.954.000** (sáu triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.
- Dương Trường T: **8.628.000** (tám triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo từ việc hưởng chênh lệch khi mua, bán số đề như sau:

- P: 2.000.000 (hai triệu) đồng;
- Bùi Tuấn K 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng;
- Lâm Thị Mỹ T1: 100.000 (một trăm nghìn) đồng;
- Dương Trường T: 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Khi chưa thực hiện thanh toán thắng thua thì bị lực lượng công an kiểm tra, bắt quả tang.

Ngoài ra, theo lời khai của bị cáo V và bị cáo K thì trước ngày 22/8/2024 bị phát hiện, V và K đã tiến hành mua bán số đề với số tiền đề như sau:

- Ngày 21/8/2024: Miền Nam: 9.057.000 (chín triệu không trăm năm mươi bảy nghìn) đồng; miền B: 2.385.000 (hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

- Ngày 20/8/2024: Miền Nam: 14.867.000 (mười bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng; miền B: 12.294.000 (mười hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

- Ngày 19/8/2024: Miền Nam: 21.651.000 (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn) đồng; miền B: 4.430.000 (bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng (tiền mua/ tiền ghi).

- Ngày 18/8/2024: Miền Nam: 18.885.000 (mười tám triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng; miền B: 16.047.500 (mười sáu triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

- Ngày 17/8/2024: Miền Nam: 8.556.000 (tám triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn) đồng; miền B: 3.914.000 (ba triệu chín trăm mười bốn nghìn) đồng.

- Ngày 16/8/2024: Miền Nam: 20.458.000 (hai mươi triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn) đồng; miền B: 1.701.000 (một triệu bảy trăm lẻ một nghìn) đồng.

- Ngày 15/8/2024: Miền Nam: 14.129.000 (mười bốn triệu một trăm hai mươi chín nghìn) đồng; miền B: 1.856.000 (một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

- Ngày 14/8/2024: Miền Nam: 9.018.000 (chín triệu không trăm mười tám nghìn) đồng; miền B: 5.124.000 (năm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

- Ngày 13/8/2024: Miền Nam: 3.478.000 (ba triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn) đồng; miền B: 3.735.000 (ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

- Ngày 12/8/2024: Miền Nam: 7.504.000 (bảy triệu năm trăm lẻ bốn nghìn) đồng; miền B: 6.260.000 (sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Ngày 11/8/2024: Miền Nam: 7.783.000 (bảy triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn) đồng; miền Bắc: 4.897.000 (bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

- Ngày 10/8/2024: Miền Nam: 20.466.000 (hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; miền B: 9.276.000 (chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

- Ngày 09/8/2024: Miền Nam: 37.430.000 (ba mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng; miền B: 14.948.000 (mười bốn triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

- Ngày 08/8/2024: Miền Nam: 8.867.000 (tám triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng; miền B: 13.850.000 (mười ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Ngày 07/8/2024: Miền Nam: 10.084.000 (mười triệu không trăm tám mươi bốn nghìn) đồng; miền B: 10.812.000 (mười triệu tám trăm mười hai nghìn) đồng.

- Ngày 06/8/2024: Miền Nam: 8.937.000 (tám triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn) đồng; miền B: 18.531.000 (mười tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn) đồng.

- Ngày 05/8/2024: Miền Nam: 21.016.000 (hai mươi một triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng; miền B: 19.937.000 (mười chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

Đối với bị cáo T1 và bị cáo T, kết quả điều tra không ghi nhận thông tin liên quan đến hoạt động mua bán số đề khác với bị cáo V trước ngày 22/8/2024.

Vật chứng còn thu giữ của vụ án:

1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, Số S F2LDR7YG0D55, Số I (P).

2. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, Số Seri FFMJR18F0FON, Số I (P).

3. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, Số S, Số IMEI 353263215710804, 359377375710802 (Bùi Tuấn K).

4. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02s, Số Seri R9HNBOKY8VJ, Số IMEI 351864450542968, 355795640542961 (Bùi Tuấ K1)

5. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1916, Số IMEI 865966049260975, 865966049260967 (Lâm Thị Mỹ T1).

6. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s, Số Seri R58N52C5LHH, SỐ IMEI 353996320142237, 354281940142233 (Lâm Thị Mỹ T1).

7. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16k, Số IMEI 868289052126216 (Dương T).

8. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Số S, 359008091837153 (Dương T).

9. 01 (một) gói niêm phong là bì thư dán kín, ký hiệu số 1, có chữ ký của ông Trần Vinh T11 và chữ ký của Phùng Hoàng Thị Tảo V - Bên trong có số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

10. 01 (một) gói niêm phong là bì thư dán kín, ký hiệu số 2, có chữ ký của ông Trần Vinh T11 và chữ ký của Bùi Tuấn K - Bên trong có số tiền 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

11. 01 (một) gói niêm phong là bì thư dán kín, ký hiệu số 3, có chữ ký của ông Trần Vinh T11 và chữ ký của Lâm Thị Mỹ T1 - Bên trong có số tiền Tiền Việt Nam: 3.607.000 đồng (ba triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng).

12. 01 (một) gói niêm phong là bì thư dán kín, ký hiệu số 4, có chữ ký của ông Trần Vinh T11 và chữ ký của Lâm Thị Mỹ T1 - Bên trong có số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

13. 01 (một) gói niêm phong là bì thư dán kín, ký hiệu số 5, có chữ ký của ông Trần Vinh T11 và chữ ký của Dương Trường T - Bên trong có số tiền 12.190.000 đồng (mười hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

14. 01 (một) gói niêm phong là bì thư dán kín, ký hiệu số 6, có chữ ký của ông Trần Vinh T11 và chữ ký của Dương Trường T - Bên trong có số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình là đúng như cáo trạng nêu, lần phạm tội này các bên chưa giao dịch tiền, tuy nhiên các bị cáo tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính của các lần đánh bạc trước. Các bị cáo V, K, T nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh là nhân thân của người có công với cách mạng. Bị cáo T1 tại phiên tòa, thừa nhận trong số tiền bị thu giữ có 90.000 đồng là tiền thu của con bạc, nhưng không nhớ của ai, còn số tiền còn lại là của bị cáo bán buôn hàng ngày mà có. Bị cáo T tại phiên tòa, khai số tiền 12.190.000 đồng là tiền của bị cáo, tiền này bị cáo dùng để làm việc cá nhân như đóng tiền học phí, sách vở... cho con của bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo không ai trình bày thêm nội dung nào khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt

1.1. Căn cứ vào điểm a, c Khoản 1 Điều 322; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, xử phạt bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2024 đến ngày 24/10/2024).

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V 50.000.000 đồng (năm chục triệu đồng) sung vào Ngân sách nhà nước.

1.2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn K phạm tội “Đánh bạc”, xử phạt bị cáo Bùi Tuấn K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 23/8/2024 đến ngày 29/8/2024).

1.3. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Dương Trường T phạm tội “Đánh bạc”, xử phạt bị cáo Dương Trường T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

1.4. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 phạm tội “Đánh bạc”, xử phạt bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 23/8/2024 đến ngày 29/8/2024).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2025, bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 10/9/2025, bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 12/9/2025, bị cáo Dương Trường T kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 15/9/2025, bị cáo Bùi Tuấn K kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử, đồng thời có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Trường T có ý kiến và đề nghị: Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ: Hiện nay bị cáo T và 03 người con còn nhỏ sống ở nhà chị ruột, cha của bị cáo T là người có công với Cách mạng, có chú ruột là liệt sĩ; Bị cáo có nhân thân tốt và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Các bị cáo có đơn kháng cáo đúng thời hạn luật định và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V, Bùi Tuấn K, Dương Trường T, Lâm Thị Mỹ T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo V, K, T, T1 phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan

điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 22/8/2024, bị cáo V thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc thông qua việc sau khi nhận đề của các bị cáo K, T1, T và các con bạc khác thì chuyển tiếp số đề này cho chủ đề cấp trên để hưởng chênh lệch; tổng số tiền đánh bạc tại kỳ xổ số các đài miền N vào ngày 22/8/2024 mà bị cáo V đã tổ chức là 63.015.000 đồng (Sáu mươi ba triệu không trăm mười lăm nghìn đồng). Số tiền đánh bạc của các bị cáo Bùi Tuấn K, Lâm Thị Mỹ T1 và Dương Trường T tại kỳ xổ số các đài miền N vào ngày 22/8/2024 lần lượt là: 9.931.000 đồng (Chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn đồng), 6.954.000 đồng (Sáu triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng) và 8.628.000 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng). Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 05/8/2024 đến ngày 21/8/2024, bị cáo K và bị cáo V cũng đã thực hiện hành vi mua, bán số đề với phương thức, thủ đoạn tương tự; nên hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên. Do đó, hành vi vi phạm của bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự; Các bị cáo Bùi Tuấn K, Lâm Thị Mỹ T1 và Dương Trường T đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, các bị cáo Bùi Tuấn K, Lâm Thị Mỹ T1 và Dương Trường T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế gia đình, là nguồn gốc phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc nhằm tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo cố ý thực hiện. Do đó hành vi trái pháp luật của các bị cáo cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Trong vụ án này bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V giữ vai trò chính, là tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Các bị cáo Bùi Tuấn K, Lâm Thị Mỹ T1, Dương Trường T cùng tham gia đánh bạc nên cần xác định rõ vai trò tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[3] Về nội dung xét kháng cáo: Tội Đánh bạc được quy định tại Điều 321 của Bộ luật hình sự cụ thể như sau: “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc được quy định tại Điều 322 của Bộ luật hình sự cụ thể như sau: “1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép

thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tổ chức, sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên mà số tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

b) Tổng số tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần có giá trị 20.000.000 đồng trở lên;

c) Tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc; phân công người canh gác, người phục vụ, sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc;.....”.

Với quy định nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm xử phạt:

+ Bị cáo V 02 (Hai) năm tù là đã có xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ (áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự). Bị cáo V có tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo K 01 (Một) năm tù là đã có xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ (áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự). Bị cáo K có tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo T 09 (Chín) tháng tù là đã có xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ (áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự).

+ Bị cáo T1 06 (Sáu) tháng tù là đã có xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ (áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự).

Là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Trong quá trình kháng cáo:

- Bị cáo V đã nộp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là hình phạt bổ sung; Có xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình (trực tiếp nuôi cha ruột lớn tuổi, bệnh mạn tính do thời gian phục vụ chiến trường Campuchia).

- Bị cáo K xuất trình 01 đơn xin xác nhận (có xác nhận của chính quyền địa phương) về việc đang trực tiếp nuôi dưỡng người hưởng trợ cấp xã hội đối với bà Đinh Thị Bé N và anh Bùi M2, 01 sổ trợ cấp xã hội hàng tháng (bản photo chứng thực) và 01 đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị bệnh.

- Bị cáo T tuy có 02 tình tiết giảm nhẹ điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 nhưng theo Thông báo từ Công an phường S thì bị cáo T đăng ký nơi cư trú mới tại tổ A, khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 11/02/2026, nơi ở này của bị cáo T đăng ký cư trú với thời gian gần đây, chưa ổn định.

Bị cáo V và bị cáo K tuy có thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng có tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Với những nhận định và căn cứ nêu trên, không thể xem xét cho các bị cáo V, K, T được hưởng án treo. Tuy nhiên, qua các tài liệu, chứng từ, xác nhận mà các bị cáo xuất trình, Hội đồng xét thấy:

- Với tình tiết mới mà bị cáo V xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần thời gian chấp hành hình phạt tù là 05 (năm) tháng.

- Bị cáo K xuất trình được tài liệu và chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo K một phần thời gian chấp hành hình phạt tù là 02 (hai) tháng.

- Các tình tiết mới mà bị cáo T xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo T một phần thời gian chấp hành hình phạt tù là 02 (hai) tháng nhằm giúp bị cáo sớm cải tạo, về với gia đình.

Từ những nhận xét nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V, bị cáo Bùi Tuấn K, bị cáo Dương Trường T.

[2.2] Trong quá trình kháng cáo, bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 xuất trình được Đơn xác nhận của chính quyền địa phương về việc chồng bị cáo đang điều trị bệnh nặng, không tự lao động được cùng tài liệu, chứng cứ gồm: Phiếu điều trị, phẫu thuật bệnh của ông Trần Văn H4, sinh năm 1974 (chồng của bị cáo T1). Bị cáo T1 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Xét trường hợp phạm tội và những tình tiết giảm nhẹ nêu trên của bị cáo T1 phù hợp với Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐ-TP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, có căn cứ cho bị cáo T1 được hưởng án treo.

Từ những nhận xét nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 được hưởng án treo theo luật định.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo D1 Trường Thọ chưa hoàn toàn phù hợp với nhận xét của Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần đề nghị.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V, bị cáo Bùi Tuấn K, bị cáo Dương Trường T được chấp nhận một phần; Kháng cáo của bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V, bị cáo Bùi Tuấn K, bị cáo Dương Trường T.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Thị Mỹ T1.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Đồng Tháp.

3. Về tội danh và hình phạt:

[3.1] Căn cứ vào điểm a, c Khoản 1 Điều 322; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phùng Hoàng Thị T12 Vi phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Xử phạt bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2024 đến ngày 24/10/2024).

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V 50.000.000 đồng (năm chục triệu đồng) sung vào Ngân sách nhà nước. Bị cáo đã nộp xong.

[3.2] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn K phạm tội “Đánh bạc”; Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn K 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 23/8/2024 đến ngày 29/8/2024).

[3.3] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Dương Trường T phạm tội “Đánh bạc”; Xử phạt bị cáo Dương Trường T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

[3.4] Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 phạm tội “Đánh bạc”, xử phạt bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 06/3/2026.

Giao bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 cho Ủy ban nhân dân phường G, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường G trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

4. Về án phí: Bị cáo Phùng Hoàng Thị Tảo V, bị cáo Bùi Tuấn K, bị cáo Dương Trường T, bị cáo Lâm Thị Mỹ T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TAND tối cao tại TP HCM; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp; (1)
- VKSND khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp; (1)
- UBND phường Gò Công – Đồng Tháp (1)
- Công an phường Gò Công - Đồng Tháp; (1)
- Cơ quan CS điều tra CA tỉnh ĐT; (1)
- Phòng hồ sơ NV CA tỉnh ĐT; (1)
- Các bị cáo; (1)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp